háng yùn

航运

Noun · Shipping

Example Sentences

chuán zài hǎi shàng zuò háng yùn
船 在海 上 做 航 运。

Ships do shipping on the sea.

yóu yú è liè tiān qì bù fen guó jì háng yùn xiàn lù bèi pò zàn tíng
由于恶劣天气，部分国际航运线路被迫暂停。

Due to severe weather, some international shipping routes have been forced to suspend operations.

nǐ liǎo jiě zhè jiā gōng sī de háng yùn bǎo xiǎn zhèng cè ma
你了解这家公司的航运保险政策吗?

Do you understand this company's shipping insurance policy?
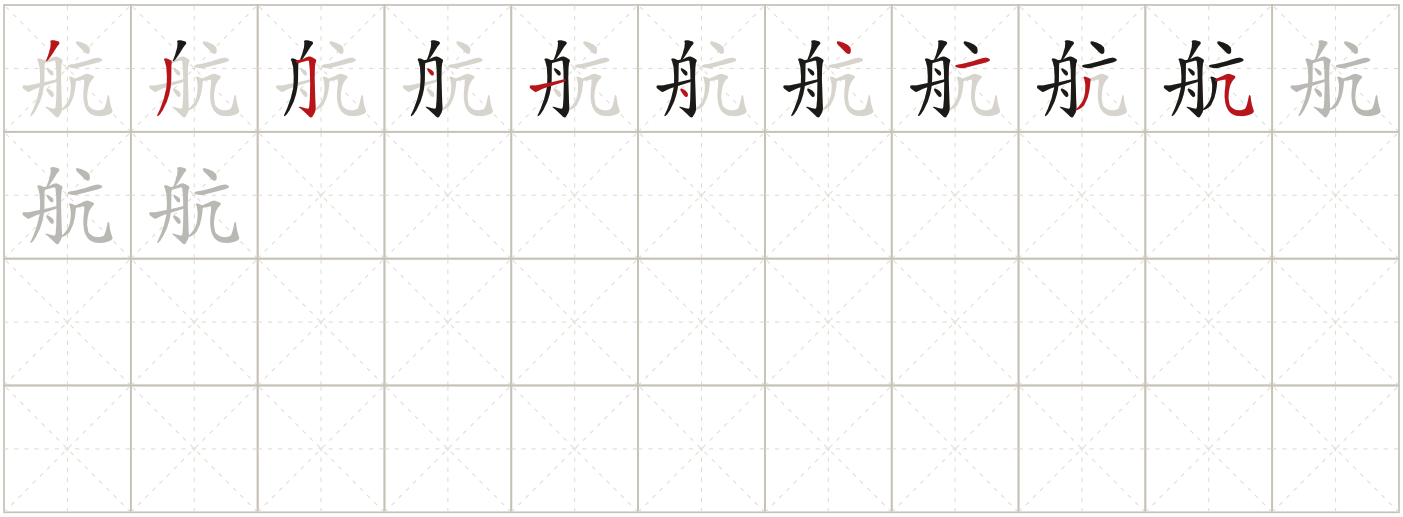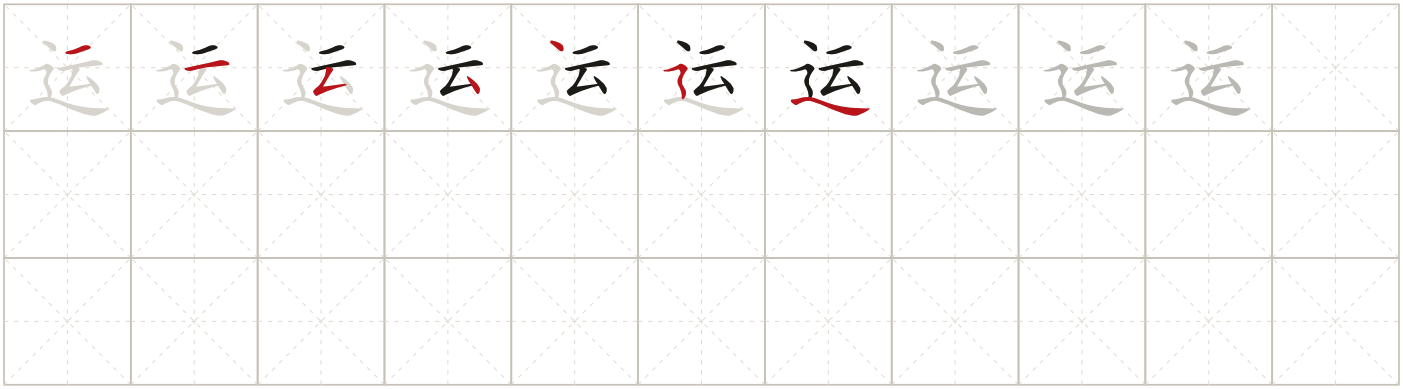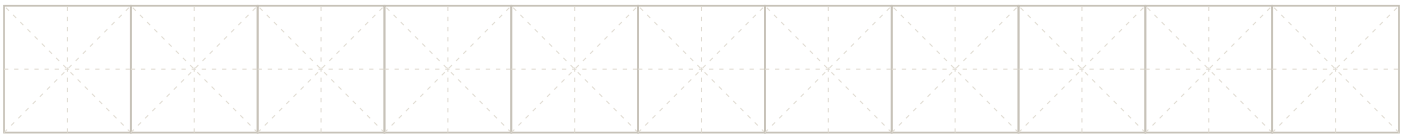
Trace each character, then write the word on your own.